

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Medium

PAOLA 01

Sneaker da c ổ thấp **cho nàng**

Paola là m ộ t đôi giày th ể thao bằn g da thấp **dành cho cô** ấ y theo xu hư ớng và cũng đáp ứ n g các tiêu chí nghiêm n g

4.00 kg

Những vật liệu **cao** cấp hơn	**hành** động **da**
lót bên trong	i **tái** chế lướ
trong Đ	ệm **chân SJ** làm từ mút **tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
ngoài Đ	Cao su (NBR)
i Loạ	01 / SRC, ESD
Phạm **vi kích** thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng **thép**	0.303 kg
ẩn **hoá** **u** chu	ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2012



FUX



NAV



BLK



X
ESD cung cấp khả **năng** xả **năng** lượng **tĩnh** điện **có** kiểm **soát có** thể **làm** hỏng **các** bộ phận điện tử và ngăn **ngừa** sự bắt lửa **do** tích điện. t ừ 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



SRC
rước là một trong những tính **năng** quan trọng **của** giày bảo hộ **SRC**. Để vượt qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ **năng** lượng ở **gót chân** **là** **rất** quan trọng **để** i **mang**. ườ **ể** ng



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng **lót** giày thường **để** xuyên **hoặc** **lót** giày chỉnh hình riêng **nếu** **cần**.



Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
ế ngoài bằng **cao** su **Oxytraction** **mang** lại **độ** bám **tốt** trên cả sàn ướt và **khô** **và** **SRC** (SRA+ SRB).

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sc upẩm m & Dthuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
r ờn môi khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Dgiày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phg ápủ hàm hiệg Khôngtrên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **hành** độ n g **da** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ntấm ớc h ơ	? 0.8		2.5	iờ	mg/cm/g
	Top: h nụ ốc h ơ	? 15		28		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ó					
	L ớp lót: ntấm ớc h ơ	? 2		55	iờ	mg/cm/g
	lót: h nụ ốc h ơ	? 20		390		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Ch ố n g mài mòn (khô/ ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**Cao su (NBR)**					
	Ch ố n g trơn trượt ế ngoài (mài mòn)	? 150		65		mm
	a đế ngoài SRA gót chân	? 0.28		0.4		ma sát
	a đế ngoài SRA Phầ t g	? 0.32		0.4		ma sát
	a đế ngoài SRB gót chân	? 0.13		0.17		ma sát
	ộc đế ngoài SRB phầ n g	? 0.18		0.21		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		N/A		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		31		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ g gót chân củ	? 20		30		J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Khuyến có thể thay đổi nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#hát** thả					
	V ật l iệu		1.74		kg
	Bao bì		0.10		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
					4.00 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	Đ ờn g q
ệ vật l Tiệ ý **tái** ch ế				
	Product		13%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán